

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SONADEZI LONG THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	11 – 32

235  
CÔNG  
TN  
TOÁN  
M VI  
T.P  
CÔ  
CÔ  
SON  
LONG  
V&THAN

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**CÁC THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000058 ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 30 tháng 03 năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 02 năm 2006 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 06 tháng 09 năm 2006 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 11 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi tỉ lệ góp vốn của các cổ đông sáng lập và thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 03 năm 2009 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29 tháng 05 năm 2009 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 06 năm 2009 về việc thay đổi cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 02 năm 2010 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 05 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và danh sách cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 05 năm 2011 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 09 năm 2013 về việc thay đổi thông tin về chức danh của người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 10 năm 2014 về việc cập nhật thông tin chi nhánh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 05 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 200.000.000.000 VND.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Nguyên Phó Chủ tịch – Từ nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Bà Huỳnh Hoàng Oanh	Thành viên
Bà Lê Thị Bích Loan	Thành viên – Từ nhiệm ngày 26/04/2016
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Vũ Tiến Hùng	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Lê Tiến Bộ	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 26/04/2016



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Nguyên Trưởng ban – Từ nhiệm ngày 26/04/2016
Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang	Trưởng ban – Bổ nhiệm ngày 26/04/2016
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên – Từ nhiệm ngày 26/04/2016
Bà Lưu Thị Thúy Vân	Thành viên
Bà Lê Thị Quỳnh Thu	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 26/04/2016

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

*(Xem tiếp trang sau)*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Phạm Anh Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2016

*Handwritten signature*



Số: 17.122/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông  
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành, được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ (hoặc nêu khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng, nếu khác với chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)) và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### *Kết luận của kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ (hoặc nêu khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng).



**Đặng Thị Hồng Loan**

**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2013-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>635.293.638.461</b>	<b>535.854.969.163</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>108.220.159.132</b>	<b>255.260.735.655</b>
1. Tiền	111		13.220.159.132	21.975.735.655
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	233.285.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>362.457.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		362.457.000.000	150.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>73.930.577.738</b>	<b>42.309.686.771</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	41.761.786.305	19.640.466.167
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		31.090.845.064	19.505.705.755
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.878.260.376	6.963.828.856
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(3.800.314.007)	(3.800.314.007)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>85.302.257.890</b>	<b>82.908.190.956</b>
1. Hàng tồn kho	141		85.302.257.890	82.908.190.956
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.383.643.701</b>	<b>5.376.355.781</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	3.414.334.470	1.229.801.460
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.13	1.969.309.231	2.744.917.333
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.401.636.988
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>771.705.840.769</b>	<b>750.893.980.140</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>7.588.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	-	7.588.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>170.000.104.122</b>	<b>173.062.894.692</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	170.000.104.122	173.062.894.692
Nguyên giá	222		412.299.942.461	402.181.074.139
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(242.299.838.339)	(229.118.179.447)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		700.039.229	700.039.229
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(700.039.229)	(700.039.229)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.9	<b>191.325.184.077</b>	<b>157.237.636.066</b>
1. Nguyên giá	231		298.461.070.368	274.362.960.003
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(107.135.886.291)	(117.125.323.937)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.647.737.748</b>	<b>10.215.860.446</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	6.647.737.748	10.215.860.446
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>190.836.400.000</b>	<b>190.836.400.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.500.000.000	24.500.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		166.336.400.000	166.336.400.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>212.896.414.822</b>	<b>211.953.188.936</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	212.896.414.822	211.953.188.936
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.406.999.479.230</b>	<b>1.286.748.949.303</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>932.092.967.154</b>	<b>857.587.235.560</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>91.013.594.209</b>	<b>99.220.413.985</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	14.301.115.767	10.888.181.787
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.746.773.601	5.400.076.229
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.605.617.562	106.944.000
4. Phải trả người lao động	314		3.493.505.000	2.524.252.841
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.272.955.561	1.071.185.801
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	25.356.012.680	25.083.893.481
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	27.582.254.185	30.832.996.301
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	1.600.000.000	3.150.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.055.359.853	20.162.883.545
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>841.079.372.945</b>	<b>758.366.821.575</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		11.635.000.001	11.635.000.001
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.14	96.717.804.845	104.121.820.293
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	702.234.325.303	609.838.024.026
4. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	25.692.242.796	27.971.977.255
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	4.800.000.000	4.800.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>474.906.512.076</b>	<b>429.161.713.743</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>474.906.512.076</b>	<b>429.161.713.743</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.619.235	4.000.619.235
3. Cổ phiếu quỹ	415		(22.812.874.949)	(22.812.874.949)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		83.628.298.299	83.628.298.299
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		210.090.469.491	164.345.671.158
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		160.276.852.543	155.473.997.899
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		49.813.616.948	8.871.673.259
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.406.999.479.230</b>	<b>1.286.748.949.303</b>



**Phạm Anh Tuấn**  
Tổng giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2016

**Phan Thùy Đoàn**  
Kế Toán Trưởng

**Tiêu Thị Cẩm Anh**  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2016

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	146.968.892.959	92.823.046.993
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	2.962.516.590	1.144.809.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		144.006.376.369	91.678.237.902
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	80.426.283.283	68.615.328.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.580.093.086	23.062.909.364
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	11.140.663.914	15.701.231.080
7. Chi phí tài chính	22		225.525.000	312.900.780
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		225.525.000	303.150.000
8. Chi phí bán hàng	24		931.374.740	1.166.765.203
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	13.133.657.484	9.695.324.760
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.430.199.776	27.589.149.701
11. Thu nhập khác	31		74.589.000	397.921.809
12. Chi phí khác	32		-	69.129.621
13. Lợi nhuận khác	40		74.589.000	328.792.188
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.504.788.776	27.917.941.889
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	10.691.171.828	3.580.140.965
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49.813.616.948	24.337.800.924
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	5.17.4	2.245	977



**Phạm Anh Tuấn**  
Tổng giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2016

**Phan Thùy Đoàn**  
Kế Toán Trưởng

**Tiêu Thị Cẩm Anh**  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.504.788.776	27.917.941.889
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.402.989.000	20.299.823.998
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		(7.235.236)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(43.332.466.332)	(15.398.865.879)
Chi phí lãi vay	06		225.525.000	303.150.000
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>				
3. trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>35.793.601.208</b>	<b>33.122.050.008</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.732.263.123	15.031.883.805
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.394.066.934)	(617.376.870)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		120.749.044.733	33.490.730.730
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.499.150.465	(2.097.654.738)
Tiền lãi vay đã trả	14		(204.525.000)	(282.150.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.044.835.611)	(4.290.153.074)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.500.000	11.784.710.297
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.993.568.000)	(11.993.396.786)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>161.138.563.984</b>	<b>74.148.643.372</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(75.425.398.018)	(43.208.920.631)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(382.457.000.000)	(152.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		170.000.000.000	87.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.331.242.275	11.679.388.879
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(277.551.155.743)</b>	<b>(96.829.531.752)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.550.000.000)	(1.400.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.085.220.000)	(980.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(30.635.220.000)</b>	<b>(1.400.980.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(147.047.811.759)</b>	<b>(24.081.868.380)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>255.260.735.655</b>	<b>203.577.286.813</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.235.236	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>108.220.159.132</b>	<b>179.495.418.433</b>



*Phạm Anh Tuấn*  
**Phạm Anh Tuấn**  
**Tổng giám đốc**

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2016

*Phan Thùy Đoàn*  
**Phan Thùy Đoàn**  
**Kế Toán Trưởng**

*Tiêu Thị Cẩm Anh*  
**Tiêu Thị Cẩm Anh**  
**Người lập**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000058 ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 30 tháng 03 năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 02 năm 2006 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 06 tháng 09 năm 2006 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 11 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi tỉ lệ góp vốn của các cổ đông sáng lập và thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000058 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 03 năm 2009 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29 tháng 05 năm 2009 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 06 năm 2009 về việc thay đổi cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04 tháng 02 năm 2010 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 05 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và danh sách cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 05 năm 2011 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 09 năm 2013 về việc thay đổi thông tin về chức danh của người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 10 năm 2014 về việc cập nhật thông tin chi nhánh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600649539 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 05 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 200.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 111 người (31 tháng 12 năm 2015 là: 110 người).

78  
T  
H  
TU  
NA  
C  
360064  
CÔNG  
CỐ PHA  
NADE  
G THAM  
H. T. Đ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề: Kinh doanh khu vui chơi giải trí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Tái chế phế liệu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế kiến trúc công trình công nghiệp và dân dụng; thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình kỹ thuật đô thị;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Đại lý du lịch;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; và
- Điều hành tua du lịch.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2015.

**5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	51.319.584	25.225.698
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.168.839.548	21.950.509.957
Các khoản tương đương tiền	95.000.000.000	233.285.000.000
<b>Cộng</b>	<b>108.220.159.132</b>	<b>255.260.735.655</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	24.500.000.000	-	24.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>24.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>24.500.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty CP Dịch Vụ Sonadezi	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	100.800.000.000	-	100.800.000.000	-
Công ty CP Sonadezi Long Bình	63.036.400.000	-	63.036.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>166.336.400.000</b>	<b>-</b>	<b>166.336.400.000</b>	<b>-</b>

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.3. Phải thu của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công ty TNHH Framas Korea Vina	18.700.000.000	-
Các khách hàng khác	23.061.786.305	19.640.466.167
<b>Cộng</b>	<b>41.761.786.305</b>	<b>19.640.466.167</b>
Phải thu của khách hàng dài hạn:		
Phải thu khách hàng dự án nhà Trảng Bom	-	7.588.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>7.588.000.000</b>

**5.4. Phải thu khác ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về tiền lãi dự thu	3.781.897.000	-	3.193.988.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	-	-	85.000.000	-
Phải thu về thuế TNDN tạm nộp 1%	85.949.157	-	81.849.324	-
Phải thu khác	1.010.414.219	-	3.602.991.532	-
<b>Cộng</b>	<b>4.878.260.376</b>	<b>-</b>	<b>6.963.828.856</b>	<b>-</b>

Trong đó, phải thu khác các bên liên quan: – Xem thêm mục 5.27

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền lãi dự thu của Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	277.778.000	-	509.722.000	-
Phải thu tiền điện thi công của Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai	1.252.013	-	1.394.886	-
Phải thu tiền ứng trước bồi thường thiệt hại môi trường của Công ty CP Dịch Vụ Sonadezi	-	-	274.247.558	-
<b>Cộng</b>	<b>279.030.013</b>	<b>-</b>	<b>785.364.444</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.815.975.789	1.015.661.782	4.815.975.789	1.015.661.782
<b>Cộng</b>	<b>4.815.975.789</b>	<b>1.015.661.782</b>	<b>4.815.975.789</b>	<b>1.015.661.782</b>

Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn vì các khách hàng tại KCN Long Thành vẫn đang hoạt động nhưng gặp khó khăn về tài chính trong một giai đoạn nhất định.

**5.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	155.470.000	-	155.470.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	84.896.559.659	-	82.638.635.909	-
Hàng hóa	250.228.231	-	114.085.047	-
<b>Cộng</b>	<b>85.302.257.890</b>	<b>-</b>	<b>82.908.190.956</b>	<b>-</b>

**5.7. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Hạng mục xây dựng KCN Long Thành	268.185.573	7.992.088.332
Hạng mục xây dựng khu tái định cư Tam An – Bò Sứa	92.640.058	92.640.058
Hạng mục xây dựng khu dân cư	126.363.636	401.962.244
Hạng mục xây dựng nhà xưởng cho thuê	5.344.053.848	1.044.664.998
Hạng mục KCN Long Phước	151.246.642	31.680.278
Hạng mục khu du lịch sinh thái Tam An	622.657.380	622.657.380
Hạng mục dự án 3 hecta An Phước	30.167.156	30.167.156
Mua sắm tài sản cố định	12.423.455	-
<b>Cộng</b>	<b>6.647.737.748</b>	<b>10.215.860.446</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

## 5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	385.176.057.167	11.536.104.487	2.494.304.546	2.670.898.890	303.709.049	402.181.074.139
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.118.868.322	-	-	-	-	10.118.868.322
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>395.294.925.489</b>	<b>11.536.104.487</b>	<b>2.494.304.546</b>	<b>2.670.898.890</b>	<b>303.709.049</b>	<b>412.299.942.461</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	218.056.769.634	6.256.177.377	2.392.510.001	2.109.013.386	303.709.049	229.118.179.447
Khấu hao trong kỳ	12.416.112.892	585.490.000	50.900.000	129.156.000	-	13.181.658.892
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>230.472.882.526</b>	<b>6.841.667.377</b>	<b>2.443.410.001</b>	<b>2.238.169.386</b>	<b>303.709.049</b>	<b>242.299.838.339</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	167.119.287.533	5.279.927.110	101.794.545	561.885.504	-	173.062.894.692
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>164.822.042.963</b>	<b>4.694.437.110</b>	<b>50.894.545</b>	<b>432.729.504</b>	<b>-</b>	<b>170.000.104.122</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 64.328.697.553 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê:

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2016 VND
Nguyên giá:				
Nhà	267.448.450.288	48.308.093.257	(24.209.982.892)	291.546.560.653
Cơ sở hạ tầng	6.914.509.715	-	-	6.914.509.715
<b>Cộng</b>	<b><u>274.362.960.003</u></b>	<b><u>48.308.093.257</u></b>	<b><u>(24.209.982.892)</u></b>	<b><u>298.461.070.368</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	116.564.460.937	12.229.100.000	(22.449.579.646)	106.343.981.291
Cơ sở hạ tầng	560.863.000	231.042.000	-	791.905.000
<b>Cộng</b>	<b><u>117.125.323.937</u></b>	<b><u>12.460.142.000</u></b>	<b><u>(22.449.579.646)</u></b>	<b><u>107.135.886.291</u></b>
Giá trị còn lại:				
Nhà	150.883.989.351			185.202.579.362
Cơ sở hạ tầng	6.353.646.715			6.122.604.715
<b>Cộng</b>	<b><u>157.237.636.066</u></b>			<b><u>191.325.184.077</u></b>

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.10. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí trả trước kinh doanh đất	782.739.944	62.909.613
Chi phí quản lý văn phòng Công ty	16.740.636	275.081.453
Chi phí kinh doanh nhà	43.231.694	43.231.694
Chi phí kinh doanh nhà xưởng	72.098.734	-
Chi phí trả trước đền bù đất KCN Long Thành	288.062.000	-
Chi phí dự án Cây xăng KCN Long Thành	54.682.462	-
Chi phí dự án KCN Châu Đức	2.156.779.000	848.578.700
<b>Cộng</b>	<b>3.414.334.470</b>	<b>1.229.801.460</b>
Dài hạn:		
Chi phí dự án Cây xăng KCN Long Thành	49.739.781	119.276.155
Chi phí trả trước kinh doanh đất	26.254.784.504	22.235.477.411
Chi phí trả trước đền bù đất	18.632.913.539	19.209.037.539
Chi phí trả trước kinh doanh nhà xưởng	2.724.390.164	2.742.629.406
Chi phí kinh doanh nhà	1.156.534.492	1.295.832.492
Tiền thuê đất tại KCN Châu Đức	163.685.075.640	165.616.754.140
Chi phí trả trước dài hạn khác	392.976.702	734.181.793
<b>Cộng</b>	<b>212.896.414.822</b>	<b>211.953.188.936</b>

**5.11. Vay**

Đây là khoản vay của Quỹ Bảo Vệ Môi Trường Việt Nam theo hợp đồng vay số 01-13/TDĐT-QMT/LT ngày 31 tháng 05 năm 2013 với hạn mức là 14.000.000.000 VND, thời hạn 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của ngân hàng và chịu lãi suất cố định là 5,4%/năm trong suốt thời gian vay.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.12. Phải trả người bán**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:				
Công ty CP Công trình GT Đồng Nai	5.208.241.610	5.208.241.610	1.410.825.162	1.410.825.162
Công ty TNHH XD Trường An Thịnh	1.486.535.641	1.486.535.641	-	-
Công ty CP Sonadezi An Bình	1.343.601.000	1.343.601.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	6.262.737.516	6.262.737.516	9.477.356.625	9.477.356.625
<b>Cộng</b>	<b>14.301.115.767</b>	<b>14.301.115.767</b>	<b>10.888.181.787</b>	<b>10.888.181.787</b>

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 5.27:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Sonadezi An Bình	1.343.601.000	1.343.601.000	-	-
Công ty CP Xây Dựng Đồng Nai	958.203.000	958.203.000	-	-
Công ty CP Công trình GT Đồng Nai	5.208.241.610	5.208.241.610	1.410.825.162	1.410.825.162
Công ty CP Dịch Vụ Sonadezi	7.150.000	7.150.000	175.508.800	175.508.800
<b>Cộng</b>	<b>7.517.195.610</b>	<b>7.517.195.610</b>	<b>1.586.333.962</b>	<b>1.586.333.962</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2016 VND
Phải nộp:				
Thuế TNDN	-	9.289.534.840	4.040.735.578	5.248.799.262
Thuế thu nhập cá nhân	106.944.000	753.321.956	503.447.656	356.818.300
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	787.796.169	787.796.169	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>106.944.000</b>	<b>10.835.652.965</b>	<b>5.336.979.403</b>	<b>5.605.617.562</b>
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng	2.744.917.333	9.183.401.437	8.407.793.335	1.969.309.231
Thuế TNDN	1.401.636.988	1.401.636.988	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.146.554.321</b>	<b>10.585.038.425</b>	<b>8.407.793.335</b>	<b>1.969.309.231</b>
<b>5.14. Chi phí phải trả</b>			Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:				
Các khoản trích trước khác			1.272.955.561	1.071.185.801
Dài hạn:				
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn chi phí kinh doanh đất			96.717.804.845	104.121.820.293

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.15. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	54.317.660	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.319.668.800	390.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	142.619.000	21.951.479.000
Chi phí đền bù đất còn phải trả	3.638.408.000	3.627.080.000
Tiền ứng sửa nhà xưởng 30,31 của công ty TNHH Hempel VN	9.515.806.058	3.171.935.286
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.911.434.667	1.692.502.015
<b>Cộng</b>	<b>27.582.254.185</b>	<b>30.832.996.301</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	25.692.242.796	27.971.977.255

Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan –  
Xem thêm mục 5.27:

5.16. <b>Doanh thu chưa thực hiện</b>	1.340.941.516	-
---------------------------------------	---------------	---

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu cho thuê đất chưa thực hiện	25.356.012.680	19.772.764.604
Doanh thu kinh doanh nhà, đất nền chưa thực hiện	-	5.311.128.877
<b>Cộng</b>	<b>25.356.012.680</b>	<b>25.083.893.481</b>
Dài hạn:		
Doanh thu cho thuê đất chưa thực hiện	702.234.325.303	609.838.024.026

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.17. Vốn chủ sở hữu**

**5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	200.000.000.000	4.000.619.235	(22.812.874.949)	78.274.781.842	201.055.900.074	460.518.426.202
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	24.337.800.924	24.337.800.924
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.604.195.270	(2.604.195.270)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(11.718.878.716)	(11.718.878.716)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(29.105.440.000)	(29.105.440.000)
Số dư tại ngày 30/06/2015	200.000.000.000	4.000.619.235	(22.812.874.949)	80.878.977.112	181.965.187.012	444.031.908.410
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	21.484.218.863	21.484.218.863
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.749.321.187	(2.749.321.187)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(12.371.945.341)	(12.371.945.341)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(21.829.080.000)	(21.829.080.000)
Trích bổ sung giá vốn tương ứng với phần doanh thu cho thuê đất ghi nhận một lần của các năm trước.	-	-	-	-	(2.153.388.189)	(2.153.388.189)
Số dư tại ngày 01/01/2016	200.000.000.000	4.000.619.235	(22.812.874.949)	83.628.298.299	164.345.671.158	429.161.713.743
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	49.813.616.948	49.813.616.948
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	-	3.207.541.385	3.207.541.385
Chia bổ sung cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(7.276.360.000)	(7.276.360.000)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2016</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>4.000.619.235</b>	<b>(22.812.874.949)</b>	<b>83.628.298.299</b>	<b>210.090.469.491</b>	<b>474.906.512.076</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.17.2. Chi tiết vốn góp của cổ đông**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của công ty mẹ	102.380.000.000	102.380.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	97.620.000.000	97.620.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

**5.17.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(1.809.100)	(1.809.100)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	18.190.900	18.190.900

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

**5.17.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty sau khi trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	40.847.165.897	17.772.509.300
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	18.190.900	18.190.900
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.245</b>	<b>977</b>

**5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại: USD	222.854,74	101.159,34

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu:		
Doanh thu cho thuê đất, phí quản lý	28.050.586.724	23.737.605.969
Doanh thu kinh doanh nhà đất	3.661.171.266	3.711.164.454
Doanh thu kinh doanh nước	30.414.210.905	27.709.238.500
Doanh thu xử lý nước thải	17.436.129.971	15.017.289.123
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	25.904.784.960	22.605.748.947
Doanh thu bán nhà xưởng	34.000.000.000	-
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	7.460.009.133	-
Doanh thu khác	42.000.000	42.000.000
<b>Cộng</b>	<b>146.968.892.959</b>	<b>92.823.046.993</b>

**5.20. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng bán bị trả lại	2.962.516.590	1.144.809.091

**5.21. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cho thuê đất, phí quản lý	11.990.579.487	11.332.882.215
Giá vốn kinh doanh nhà đất	1.483.017.311	1.595.731.707
Giá vốn dự án KCN Châu Đức	3.239.878.802	3.239.878.802
Giá vốn kinh doanh nước	27.149.809.100	24.297.976.000
Giá vốn xử lý nước thải	14.540.933.007	12.926.206.351
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	12.998.981.461	14.923.549.912
Giá vốn bán nhà xưởng	1.586.684.943	-
Giá vốn kinh doanh Trạm Xăng KCN Long Thành	7.427.606.417	291.560.040
Giá vốn khác	8.792.755	7.543.511
<b>Cộng</b>	<b>80.426.283.283</b>	<b>68.615.328.538</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**5.22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.919.151.275	8.933.876.879
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.464.989.000
Chiết khấu thanh toán	214.277.403	302.276.289
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.235.236	88.912
<b>Cộng</b>	<b>11.140.663.914</b>	<b>15.701.231.080</b>

**5.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.326.501.845	6.709.687.239
Chi phí vật liệu quản lý	531.067.999	467.900.485
Chi phí đồ dùng văn phòng	160.293.999	141.412.100
Chi phí khấu hao TSCĐ	283.100.000	272.911.013
Thuế, phí và lệ phí	24.786.089	31.314.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	713.210.937	744.616.392
Chi phí bằng tiền khác	2.094.696.615	1.327.482.959
<b>Cộng</b>	<b>13.133.657.484</b>	<b>9.695.324.760</b>

**5.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	9.326.501.845	6.853.430.110
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	691.361.998	609.312.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.402.989.000	20.306.703.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.085.771.042	46.576.968.243
Chi phí khác bằng tiền	4.242.615.372	5.604.080.435
<b>Cộng</b>	<b>96.749.239.257</b>	<b>79.950.495.371</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****5.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	60.504.788.776	27.917.941.889
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(6.464.989.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	60.504.788.776	21.452.952.889
Trừ thu nhập khác được ưu đãi, chịu thuế suất 10%	(14.097.859.265)	(9.495.905.583)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất phổ thông	46.406.929.511	11.957.047.306
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất phổ thông	9.281.385.902	2.630.550.407
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất 10%	1.409.785.926	949.590.558
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này</b>	<b>10.691.171.828</b>	<b>3.580.140.965</b>

**5.26. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (phí quản lý, quyền sử dụng đất, cho thuê mặt bằng, xử lý nước thải).
- Kinh doanh nhà, nền đất;
- Kinh doanh nước;
- Cho thuê nhà xưởng;
- Bán nhà xưởng
- Hoạt động khác
- Bất động sản
- Hoạt động khác

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An,  
Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

	<u>Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp</u> VND	<u>Kinh doanh nhà, nền đất</u> VND	<u>Kinh doanh nước</u> VND	<u>Cho thuê nhà xưởng</u> VND	<u>Bán nhà xưởng</u> VND	<u>Hoạt động khác</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Doanh thu</b>							
Từ khách hàng bên ngoài	28.050.586.724	698.654.676	30.414.210.905	25.904.784.960	34.000.000.000	24.938.139.104	144.006.376.369
<b>Cộng</b>	<b>28.050.586.724</b>	<b>698.654.676</b>	<b>30.414.210.905</b>	<b>25.904.784.960</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>24.938.139.104</b>	<b>144.006.376.369</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>							
Kết quả của bộ phận	16.060.007.237	(784.362.635)	3.264.401.805	12.905.803.499	32.413.315.057	(279.071.877)	63.580.093.086
Chi phí bán hàng	118.400.121	70.378.544	95.499.835	497.767.562	72.433.650	76.895.028	931.374.740
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.516.549.545	100.800.634	2.737.512.692	2.309.761.872	3.219.676.914	2.249.355.827	13.133.657.484
Thu nhập tài chính						11.140.663.914	11.140.663.914
Chi phí tài chính						225.525.000	225.525.000
Thu nhập khác						74.589.000	74.589.000
Chi phí khác						-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.425.057.571	(955.541.813)	431.389.278	10.098.274.065	29.121.204.493	8.384.405.182	60.504.788.776
Chi phí thuế TNDN hiện hành							10.691.171.828
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>49.813.616.948</b>
<b>Các thông tin khác</b>							
Chi phí mua sắm tài sản	10.045.880.642	-	-	48.308.093.257	-	72.987.680	58.426.961.579
Chi phí khấu hao	4.658.841.000	807.144.000	-	12.377.511.000	-	559.493.000	18.402.989.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An,  
Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2015

	<u>Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp</u> VND	<u>Kinh doanh nhà, nền đất</u> VND	<u>Kinh doanh nước</u> VND	<u>Cho thuê nhà xưởng</u> VND	<u>Hoạt động khác</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Doanh thu</b>						
Từ khách hàng bên ngoài	23.737.605.969	2.566.355.363	27.709.238.500	22.605.748.947	15.059.289.123	91.678.237.902
<b>Cộng</b>	<b>23.737.605.969</b>	<b>2.566.355.363</b>	<b>27.709.238.500</b>	<b>22.605.748.947</b>	<b>15.059.289.123</b>	<b>91.678.237.902</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Kết quả của bộ phận	12.404.723.754	970.623.656	3.411.262.500	7.682.199.035	(1.405.899.581)	23.062.909.364
Chi phí bán hàng	302.102.367	32.661.340	352.648.306	287.697.515	191.655.675	1.166.765.203
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.510.342.740	271.401.908	2.930.358.090	2.390.644.525	1.592.577.498	9.695.324.760
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	15.701.231.080	15.701.231.080
Chi phí tài chính	-	-	-	-	312.900.780	312.900.780
Thu nhập khác	-	-	-	-	397.921.809	397.921.809
Chi phí khác	-	-	-	-	69.129.621	69.129.621
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.592.278.648	666.560.408	128.256.104	5.003.856.995	12.526.989.735	27.917.941.889
Chi phí thuế TNDN hiện hành						3.580.140.965
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>						<b>24.337.800.924</b>
<b>Các thông tin khác</b>						
Chi phí mua sắm tài sản	737.924.699	-	-	41.438.126.711	2.550.000	42.178.601.410
Chi phí khấu hao	4.851.635.013	807.144.000	-	14.385.636.985	255.408.000	20.299.823.998

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****5.27. Thông tin về các bên có liên quan**

Trong kỳ, Công ty có các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26, và các giao dịch trọng yếu được xác định như bên dưới:

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp
2. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình
3. Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai
4. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức
5. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi
6. Công ty Cổ phần Xây Dựng Đồng Nai
7. Công ty Cổ phần Điện Cơ Đồng Nai
8. Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1
9. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình
10. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai
11. Trường cao Đẳng Công Nghệ và Quản Trị Sonadezi
12. Công ty Cổ phần Bến Xe và Dịch Vụ Vận Tải Đồng Nai
13. Công ty Cổ Phần Cảng Đồng Nai
14. Công ty Cổ phần Công Trình Giao Thông Đồng Nai  
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và Vật Liệu Đồng Nai
15. Nai
16. Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2
17. Công ty Cổ phần Kinh Doanh Nhà Đồng Nai
18. Công ty Cổ phần Sách Và Thiết Bị Trường Học
19. Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Định Quán
20. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi
21. Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi
22. Thành viên Hội đồng quản trị
23. Thành viên Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ  
 Công ty liên kết  
 Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể  
 Công ty liên kết với Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty liên kết với Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty liên kết với Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty liên kết với Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty liên kết với Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty liên kết với Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp  
 Công ty con của Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi.  
 Công ty con của Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.4:		
Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi	-	274.247.558
Quý đầu tư phát triển Đồng Nai	277.778.000	509.722.000
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	1.252.013	1.394.886
<b>Cộng</b>	<b>279.030.013</b>	<b>785.364.444</b>
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trả trước cho người bán:		
Công ty CP Xây dựng Đồng Nai	-	1.829.610.900
Công ty CP Sonadezi An Bình	-	3.036.683.000
Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi	18.420.000.000	9.648.994.306
<b>Cộng</b>	<b>18.420.000.000</b>	<b>14.515.288.206</b>
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.12:		
Công ty CP Sonadezi An Bình	(1.343.601.000)	-
Công ty CP Xây Dựng Đồng Nai	(958.203.000)	-
Công ty CP Công trình Giao Thông Đồng Nai	(5.208.241.610)	(1.410.825.162)
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	(7.150.000)	(175.508.800)
<b>Cộng</b>	<b>(7.517.195.610)</b>	<b>(1.586.333.962)</b>
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả khác – Xem thêm mục 5.15:		
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	(1.340.941.516)	-
Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty CP Sonadezi An Bình	980.451.649	322.917.949
Công ty CP Dịch Vụ Sonadezi	105.059.350	72.293.025
Công ty CP Xây Dựng Đồng Nai	20.666.429	34.584.108
Công ty CP Công Trình Giao Thông Đồng Nai	5.167.845	-





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty CP Dịch Vụ Sonadezi	15.878.568.721	14.191.428.850
Công ty CP Sonadezi An Bình	14.771.239.434	12.100.809.673
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	2.878.040.662	2.878.040.662
Công ty CP Xây Dựng Đồng Nai	9.385.371.049	9.778.697.876
Công ty CP Cấp Nước Đồng Nai	28.646.447.550	25.622.789.850
Công ty CP Công Trình Giao Thông Đồng Nai	6.487.416.448	-
Công ty CP Môi Trường Sonadezi	18.238.000	19.272.000

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị	985.000.000	1.018.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	291.408.000	359.291.000
Thu nhập các nhân viên quản lý chủ chốt khác	596.359.000	639.873.000
<b>Cộng</b>	<b>1.872.767.000</b>	<b>2.017.164.000</b>

**5.28. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 08 năm 2016.



*Phạm Anh Tuấn*  
**Phạm Anh Tuấn**  
 Tổng giám đốc  
 Long Thành, ngày 10 tháng 8  
 năm 2016

*Phan Thùy Đoàn*  
**Phan Thùy Đoàn**  
 Kế toán trưởng

*Tiêu Thị Cẩm Anh*  
**Tiêu Thị Cẩm Anh**  
 Người lập

